|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Biểu số: 0405.N.TĐKT** *Kèm theo Thông tư số 18/2025/TT-BNV ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ* Ngày nhận báo cáo: Ngày 15 tháng 12 năm báo cáo | **SỐ LƯỢNG CÔNG CHỨC LÀM CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG CỦA BỘ, BAN, NGÀNH, ĐOÀN THỂ TRUNG ƯƠNG, TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG** Năm… | Đơn vị báo cáo: Đơn vị nhận báo cáo: Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Mã số | Số lượng (Người) | |
| Tổng số | Trong đó:  Nữ |
| A | B | 1 | 2 |
| **Tổng số** | 01 |  |  |
| **1. Chia theo độ tuổi** |  |  |  |
| - Từ 30 trở xuống | 02 |  |  |
| - Từ 31 đến 40 | 03 |  |  |
| - Từ 41 đến 50 | 04 |  |  |
| - Từ 51 đến 60 | 05 |  |  |
| - Trên 60 tuổi | 06 |  |  |
| **2. Chia theo trình độ đào tạo** |  |  |  |
| - Sơ cấp | 07 |  |  |
| - Trung cấp | 08 |  |  |
| - Cao đẳng | 09 |  |  |
| - Đại học | 10 |  |  |
| - Trên đại học | 11 |  |  |
| **3. Chia theo thâm niên công tác trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng** |  |  |  |
| - Dưới 5 năm | 12 |  |  |
| - Từ 5 đến 10 năm | 13 |  |  |
| - Từ 10 năm trở lên | 14 |  |  |

**Biểu số 0405.N.TĐKT: Số lượng công chức làm công tác thi đua, khen thưởng của bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương**

**1. Khái niệm, phương pháp tính**

Công chức làm công tác thi đua, khen thưởng là công chức được tuyển dụng làm việc trong các cơ quan (đơn vị) chuyên trách làm công tác thi đua, khen thưởng tại các bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương và Ban Thi đua - Khen thưởng các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Phương pháp tính: Thống kê tại thời điểm báo cáo.

**2. Cách ghi biểu**

Cột 1: Ghi tổng số công chức làm công tác thi đua, khen thưởng của bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và chia theo từng phân tổ tương ứng với các dòng của cột A có đến thời điểm 30 tháng 11 năm báo cáo.

Cột 2: Ghi số nữ công chức làm công tác thi đua, khen thưởng của bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và chia theo từng phân tổ tương ứng với các dòng của cột A có đến thời điểm 30 tháng 11 năm báo cáo.

**3. Nguồn số liệu**

- Chế độ báo cáo thống kê ngành Nội vụ.

- Dữ liệu hành chính.